



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

Ngày 31 tháng 03 năm 2011

NỘI DUNG

	Trang
I. Lịch sử hoạt động của công ty	3
Phương châm hoạt động của Công ty	5
II. Thông điệp của Hội đồng quản trị	6
III. Báo cáo Ban Tổng giám đốc	7
IV. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2010	11
V. Báo cáo Ban kiểm soát	12
VI. Tổ chức và nhân sự	13
VII. Tổ chức và nhân sự	14
VIII. Chính sách lao động	16

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng

- o Ngày 12/08/2008 UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động số 95/UBCK-GP cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam (ISC);
- o Ngày 25/12/2008 Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam (ISC) là thành viên của Trung tâm lưu ký chứng khoán, Giấy chứng nhận đăng ký thành viên số 101/GCNTVLK;
- o Năm 2009 thành lập Chi nhánh Hà Nội tại đại chi số 108 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;
- o Ngày 12/01/2010 Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam (ISC) thực hiện tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 135 tỷ đồng;

2. Quá trình phát triển

- o Lịch sử hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam (ISC) được thành lập theo Giấy phép số 95/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12/08/2008 với mức vốn điều lệ hiện tại là 135 tỉ, công ty được thực hiện kinh doanh đầy đủ các nghiệp vụ pháp luật cho phép: môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính doanh nghiệp. Cổ đông của ISC là các cá nhân, tổ chức có năng lực tài chính, uy tín và có kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính. ISC luôn nỗ lực, phấn đấu để trở thành một trong những Công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, hướng tới một định chế tài chính hùng mạnh.

- o Thông tin Công ty:

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM		
Tên tiếng Anh:	VIETNAM INDUSTRY SECURITIES COMPANY		
Tên viết tắt:	ISC		
Vốn điều lệ:	135.000.000.000 đồng		
Trụ sở chính:	121 Đại lộ Lê Lợi, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam		
Điện thoại:	(84.8) 3.915 2188	Fax: (84.8) 3.915 2189	
Website:	http://www.isc.vn		
Giấy phép thành lập và hoạt động:	95/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 12/08/2000		
Mã số thuế:	0102879157		
Ngành nghề K.doanh:	- Môi giới chứng khoán;		

- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp;
- Lưu ký chứng khoán.

o Tình hình hoạt động

Tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2010 vẫn còn nhiều khó khăn, kinh tế vĩ mô ở thời điểm phục hồi trong khó khăn, giao dịch chứng khoán trong trạng thái trầm lắng. Tuy nhiên TTCK vẫn là kênh huy động vốn hiệu quả của doanh nghiệp, tạo tính thanh khoản cho thị trường, thể hiện tính cạnh tranh cao giữa các doanh nghiệp, đồng nghĩa với việc sẽ có rất nhiều cơ hội lớn nhưng cũng xen lẫn những rủi ro trong các kênh đầu tư. Chính điều này đã tác động rất lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh cũng như kết quả doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Tổng doanh thu trong năm 2010 đạt 23,635 tỷ đồng, lợi nhuận là 1,186 tỷ đồng.

3. Định hướng phát triển

Những nội dung chính trong định hướng phát triển của ISC năm 2011 như sau:

- o Đa dạng và chuyên nghiệp hóa các sản phẩm và dịch vụ, đáp ứng tốt nhất nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng;
- o Đẩy mạnh hoạt động đào tạo, phát triển nguồn lực, xây dựng chính sách lương thưởng phù hợp để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao;
- o Xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tạo môi trường làm việc tốt nhất cho mọi thành viên trong công ty;

PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG

TẦM NHÌN & SỨ MỆNH

ISC luôn nỗ lực để đạt được mục tiêu trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu tại Việt Nam, bên cạnh đó ngày càng gia tăng uy tín và đẩy mạnh thương hiệu để vươn ra thị trường chứng khoán của khu vực và trên thế giới. Với tầm nhìn dài hạn, ISC hướng tới phát triển thành một tập đoàn tài chính vững mạnh của nền kinh tế. Sứ mệnh của ISC là tối đa lợi ích cho khách hàng, cổ đông và người lao động, đồng thời đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

CAM KẾT CỦA ISC

Với phương châm “ISC luôn mang đến cho khách hàng sự hài lòng”, chúng tôi luôn nỗ lực nhằm cung cấp dịch vụ tài chính tốt nhất, hiệu quả nhất cho nhiều đối tượng khách hàng. Chúng tôi cam kết rằng quý khách hàng sẽ luôn cảm thấy hài lòng khi đến với Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam.

II. THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý vị cổ đông.

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu tuy đã kết thúc từ những năm trước, tuy nhiên những khó khăn trong việc khắc phục kéo dài sang năm 2009 và bắt đầu đi vào chu kỳ tăng trưởng trong năm 2010. Nhìn chung tổng thể kinh tế thế giới, châu á được đánh giá là khu vực sớm khắc phục hậu quả và tăng trưởng khá ấn tượng vào cuối năm 2010.

Năm 2010, GDP Việt Nam có được con số tăng trưởng khá ấn tượng (6,78%) nhưng lạm phát lại bùng nổ (11,75%). Hiện tượng nhập siêu ở mức cao, thâm hụt ngân sách, mất cân đối cán cân thương mại và nặng nợ công, thêm vào đó là lãi suất ngân hàng lại quá cao (18-21%/năm) ảnh hưởng trầm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đây cũng là một trong những yếu tố làm cho nhà đầu tư trong và ngoài nước rất thận trọng đối với kênh đầu tư chứng khoán. Tuy nhiên, chúng ta không thể phủ nhận TTCK là kênh huy động vốn hiệu quả của các doanh nghiệp, kênh đầu tư hấp dẫn cho các nhà đầu tư. Trong khó khăn chung của nền kinh tế, cũng đan xen những cơ hội lớn cho các nhà đầu tư bản lĩnh, linh hoạt trong các kênh đầu tư. Chính điều này đã mang lại hiệu quả trong kinh doanh của Công ty, tính chung toàn Công ty, doanh thu năm 2010 đạt 23,635 tỷ đồng, lợi nhuận là 1,186 tỷ đồng, đạt 100% so với kế hoạch. Đây là sự nỗ lực rất lớn của Ban điều hành ISC và sự chung sức, gắn kết của toàn thể CBCNV trong Công ty.

Thưa Quý cổ đông.

Bước sang năm 2011, dự báo sẽ là năm tiếp tục khó khăn của kinh tế vĩ mô, TTCK có thể vẫn chưa có sức bật lớn, sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của các công ty chứng khoán nói chung và ISC nói riêng. Trên cơ sở đó, Ban điều hành của ISC đã vạch ra những mục tiêu hết sức cụ thể và thận trọng trong quản trị rủi ro cho khách hàng và Công ty; đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; nghiên cứu ứng dụng thêm các tiện ích phục vụ cho nhà đầu tư; chuyên sâu vào tư vấn đầu tư; chú trọng vào việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

Thay mặt Hội đồng quản trị công ty ISC, tôi xin chân thành cảm ơn và kính chúc Quý vị một năm thành công và may mắn.

Trân trọng.

Chủ tịch Hội đồng quản trị

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2010

1.1 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Các chỉ số tài chính cơ bản trong năm 2010 phản ánh hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả, nhìn chung các chỉ số về khả năng thanh toán được đảm bảo tối đa, cơ cấu nợ và tài sản giữ ở mức ổn định và phù hợp. Đây là minh chứng cho vai trò của hệ thống kiểm soát rủi ro của Công ty trong việc nhận định đánh giá thị trường, cơ cấu tài chính phù hợp, đảm bảo an toàn kinh doanh khi tình hình kinh tế vĩ mô đang trong giai đoạn bất ổn và sẵn sàng cho sự phát triển mạnh mẽ khi thị trường chứng khoán khởi sắc.

Các chỉ số tài chính cơ bản năm 2010 của ISC như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2009	Năm 2010
1	Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1	Cơ cấu tài sản			
	<i>Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản</i>	<i>%</i>	6,02	2,57
	<i>Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản</i>	<i>%</i>	214,10	42,77
1.2	Cơ cấu nguồn vốn			
	<i>Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn</i>	<i>%</i>	79,43	60,91
	<i>Nguồn vốn CSH/ Tổng nguồn vốn</i>	<i>%</i>	20,57	39,09
2	Khả năng thanh toán			
	<i>Khả năng thanh toán tổng quát</i>	<i>lần</i>	1,26	1,64
	<i>Khả năng thanh toán hiện thời</i>	<i>lần</i>	1,18	1,60
	<i>Khả năng thanh toán nhanh</i>	<i>lần</i>	1,18	1,16
	<i>Khả năng thanh toán tức thời</i>	<i>lần</i>	0,69	1,27
3	Khả năng sinh lời			
	<i>Tỷ suất sinh lời trên doanh thu (ROS)</i>	<i>%</i>	11,93	5,02
	<i>Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA)</i>	<i>%</i>	1,07	0,32
	<i>Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)</i>	<i>%</i>	5,25	0,88

1.2 Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách một cổ phần của ISC ngày 31/12/2010 như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách một cổ phần} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu – Quỹ khen thưởng, phúc lợi}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành – Số cổ phiếu quỹ}}$$

$$\text{Giá trị sổ sách một cổ phần} = \frac{146.977.070.477 - 0}{13.500.000 - 0} = 10.887 \text{ đồng}$$

1.3 Tổng số cổ phiếu theo từng loại

- o Cổ phiếu phổ thông: 13.500.000 cổ phiếu
- o Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
- o Tổng giá trị theo mệnh giá: 135.000.000.000 đồng

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010

2.1 Đánh giá chung về tình hình hoạt động kinh doanh năm 2010

Thị trường chứng khoán trong năm 2010 đã phát triển một cách vượt bậc về số lượng công ty niêm yết cũng như vốn hóa thị trường, so với năm 2009 số lượng công ty niêm yết cuối năm 2010 tăng hơn 40%. Lượng vốn hóa thị trường cũng tăng lên đáng kể chứng tỏ sự phát triển về quy mô của thị trường chứng khoán ngày càng lớn mạnh.

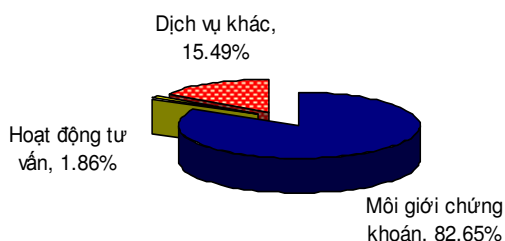
Trong hoạt động kinh doanh chứng khoán của ISC, xét về cơ cấu doanh thu thì hoạt động môi giới đạt 15,29 tỷ đồng, tăng 20,11% so với hoạt động môi giới năm trước. Trong năm tài chính, doanh thu hoạt động môi giới vẫn tăng trưởng một cách ấn tượng và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu (chiếm 64,72%/ tổng doanh thu). Điều này thể hiện năng lực hoạt động lõi của doanh nghiệp vẫn rất tốt và là nền tảng ổn định cho sự tăng trưởng trong những năm tiếp theo. Kết quả cụ thể được thể hiện tại bảng chi tiết dưới đây:

Đơn vị tính: đồng

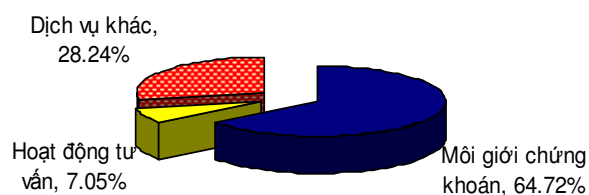
CHỈ TIÊU	Năm 2009	Năm 2010
I. CHỈ TIÊU DOANH THU	15.408.309.189	23.635.508.628
1. Doanh thu môi giới chứng khoán	12.735.058.997	15.296.468.691
2. Doanh thu đầu tư chứng khoán ,góp vốn	-	-
3. Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	-	-
4. Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	-
5. Doanh thu hoạt động tư vấn	286.970.618	1.665.454.546
6. Doanh thu lưu ký chứng khoán	-	-

CHỈ TIÊU	Năm 2009	Năm 2010
7. Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	-	-
8. Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	-	-
9. Doanh thu khác	2.386.279.574	6.673.585.391
II. CHỈ TIÊU CHI PHÍ	13.493.046.516	23.347.568.631
Chi phí hoạt động kinh doanh	6.016.188.574	14.040.439.679
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.476.857.942	9.307.128.952
III. KẾT QUẢ KINH DOANH	1.915.262.673	287.393.997
IV. LỢI NHUẬN KHÁC	294.913.198	898.543.024
Lợi nhuận trước thuế	2.210.175.871	1.186.483.021
Thuế TNDN hiện hành	372.438.463	-
Thuế TNDN hoãn lại	-	-
V. LỢI NHUẬN SAU THUẾ	1.837.737.408	1.186.483.021
VI. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	-	-

Cơ cấu doanh thu năm 2009



Cơ cấu doanh thu năm 2010



Biểu đồ cơ cấu doanh thu năm 2009, 2010

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

- Chỉ sau hơn 2 năm kể từ khi thành lập Công ty đến nay, ISC cũng đã có những bước tiến quan trọng, khẳng định được thương hiệu ISC trên thị trường tài chính. Công ty đã tiến hành xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức theo hướng chuyên nghiệp nâng cấp cơ sở vật chất và định hướng hoạt động của Chi nhánh Hà nội.
- ISC cũng đã hoàn thiện việc đầu tư công nghệ khi đưa hệ thống phần mềm giao dịch Live trade đi vào vận hành trên toàn hệ thống. Điều này đảm bảo cho ISC đủ sức cạnh tranh và nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ đối với khách hàng khi đến giao dịch tại ISC. ISC cũng nằm trong số các công ty chứng khoán thực hiện thành công việc kết nối trực tuyến đối với hai sở, tốc độ lệnh giao dịch qua ISC được đánh giá là một trong những công ty có

tốc độ xử lý và truyền lệnh nhanh nhất.

- Về cơ cấu tổ chức: Công ty đã ổn định các phòng ban nghiệp vụ tại Văn phòng Công ty và Chi nhánh một cách độc lập, không vi phạm quy định về xung đột hoạt động nghiệp vụ giữa các phòng ban, cụ thể:

Văn phòng Công ty

- o Phòng môi giới: Thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
- o Phòng lưu ký: Thực hiện nghiệp vụ lưu ký.
- o Phòng tư vấn đầu tư: Thực hiện các hoạt động nghiên cứu, phân tích hoạt động của doanh nghiệp, tư vấn đầu tư cho các cá nhân, tổ chức.
- o Phòng Tư vấn - phân tích: Thực hiện các nghiệp vụ tư vấn niêm yết chứng khoán, tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn phát hành & bảo lãnh phát hành.
- o Phòng Marketing: Thực hiện các hoạt động PR, quan hệ
- o Phòng hành chính: Thực hiện các công tác nhân sự, quản trị hành chính.
- o Phòng tài chính kế toán: Thực hiện các nghiệp vụ tài chính, kế toán.
- o Phòng Công nghệ thông tin: Thực hiện các nghiệp vụ tin học.

Chi nhánh

- o Phòng môi giới: Thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
 - o Phòng kế toán: Thực hiện các nghiệp vụ tài chính, kế toán.
 - o Phòng Công nghệ thông tin: Thực hiện các nghiệp vụ tin học.
 - o Phòng hành chính: Thực hiện các công tác nhân sự, quản trị hành chính.
- Các nhân viên được bố trí công việc phù hợp với năng lực chuyên môn và nhu cầu công việc của Công ty.
 - Thực hiện công tác chỉ đạo chuyên môn từ Công ty xuống Chi nhánh, từ Ban Giám đốc xuống lãnh đạo phòng và từng nhân viên.
 - Các hoạt động nghiệp vụ đảm bảo trong giới hạn đầu tư theo qui định của pháp luật và thực hiện đúng phân cấp trong Công ty.

4. Kế hoạch kinh doanh năm 2011

4.1 Đẩy mạnh các hoạt động chính của ISC

Tuy được thành lập và đi vào hoạt động từ cuối năm 2008, ISC được xem là một công ty chứng khoán khá non trẻ so với các công ty tên tuổi khác trên thị trường chứng khoán. Trong thời kỳ này cũng là giai đoạn nền kinh tế trong nước đầy biến động, bất ổn. Đây là một trong những khó

khẩn, thách thức to lớn mà ISC phải vượt qua. Tận dụng những lợi thế sẵn có, ISC đã tạo lập cho mình được một thị trường nhất định.

Trong năm 2011, Ban điều hành của ISC đã vạch ra những mục tiêu hết sức cụ thể và thận trọng trong quản trị rủi ro cho khách hàng và Công ty, cụ thể như sau:

- Mở rộng hoạt động môi giới;
- Chuyên sâu vào hoạt động tư vấn tài chính;
- Nâng cao chất lượng dịch vụ;
- Nghiên cứu ứng dụng thêm các tiện ích phục vụ cho nhà đầu tư;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty;

4.2 Nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra

Kế hoạch năm 2011 đã được xây dựng với những giải pháp cụ thể cho từng hoạt động. Ban điều hành nhìn nhận để đạt được kế hoạch đặt ra này phải có sự đồng tâm nhất trí cao của toàn hệ thống từ Hội đồng quản trị, Ban điều hành đến từng CBCNV, toàn bộ máy phải nỗ lực hết mình để tìm các giải pháp, các ý tưởng, các sáng kiến nhằm đạt được các mục tiêu kinh doanh đã đặt ra. Tăng trưởng doanh thu, tăng trưởng lợi nhuận, mang lại lợi ích cho cổ đông, cho Công ty.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

Số : 20110503001

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Kính gửi: - Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Công Nghiệp Việt Nam (ISC)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công Nghiệp Việt Nam (ISC) (sau đây gọi là Công ty) gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được trình bày từ trang 5 đến trang 20 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công Nghiệp Việt Nam (ISC) đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan.



ĐẠI DIỆN CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AA)

LÊ VĂN THANH

Tổng Giám đốc

Kiểm Toán Viên Việt Nam

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0357/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Phương Lan Anh

Giám đốc

Kiểm Toán Viên Việt Nam

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0673/KTV



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

27 Nguyễn Đình Chiểu Q1, TP. HCM

Tel: (84-8) 3 9107080

Fax: (84-8) 3 9107081

Mẫu số B01 - CTCK

Ban hành theo T.Tư 95/2008 /TT-BTC ngày

24/10/2008 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		366,359,753,688	160,815,585,823
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	110		290,277,762,942	94,270,441,448
1. Tiền	111	V.01	290,277,762,942	94,270,441,448
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.03	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		73,266,773,203	65,272,166,921
1. Phải thu của khách hàng	131	V.04	31,383,805	125,286,088
2. Trả trước cho người bán	132	V.04	1,282,598,335	3,446,570,101
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		7,762,468,910	48,476,250,392
5. Các khoản phải thu khác	138	V.05	64,190,322,153	13,224,060,340
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,815,217,543	1,272,977,454
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	160,977,481
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		421,381,554	273
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		2,393,835,989	1,111,999,700
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9,680,106,421	10,300,455,746
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		6,270,334,406	6,722,426,973
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	5,262,638,556	6,016,978,366
- Nguyên giá	222		7,532,555,959	6,960,348,592
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2,269,917,403)	(943,370,226)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	1,007,695,850	705,448,607
- Nguyên giá	228		1,239,077,739	774,824,400
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(231,381,889)	(69,375,793)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3,409,772,015	3,578,028,773
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	2,420,490,509	3,443,177,228
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.09	989,281,506	134,851,545
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		376,039,860,109	171,116,041,569

"Các thuyết minh đính kèm là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính"

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

27 Nguyễn Đình Chiểu Q1, TP. HCM

Tel: (84-8) 3 9107080

Fax: (84-8) 3 9107081

Mẫu số B01 - CTCK

Ban hành theo T.Tư 95/2008 /TT-BTC ngày

24/10/2008 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		229,062,789,632	135,909,454,113
I. Nợ ngắn hạn	310		229,062,789,632	135,909,454,113
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	68,000,000,000	10,930,000,000
2. Phải trả cho người bán	312	V.11	4,774,866,463	8,262,029,114
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	161,978,000	170,000,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	514,278,311	604,197,712
5. Phải trả công nhân viên	315		1,538,603,433	399,323,750
6. Chi phí phải trả	316	V.13	68,833,333	238,000,000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		219,167,776	312,381,880
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	33,465,000
10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		-	-
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		-	-
12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	328	V.14	153,785,062,316	114,960,056,657
13. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		146,977,070,477	35,206,587,456
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	146,977,070,477	35,206,587,456
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135,000,000,000	35,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10,584,000,000	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1,393,070,477	206,587,456
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	430		-	-
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		376,039,860,109	171,116,041,569

"Các thuyết minh đính kèm là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính"

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

27 Nguyễn Đình Chiểu Q1, TP. HCM

Tel: (84-8) 3 9107080

Fax: (84-8) 3 9107081

Mẫu số B01 - CTCK

Ban hành theo T.Tư 95/2008 /TT-BTC ngày

24/10/2008 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tiền tệ: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
5. Ngoại tệ các loại	005	-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006	1,013,091,594,200	955,459,716,000
Trong đó:			
6.1- Chứng khoán giao dịch	007	834,827,053,200	790,737,466,000
6.1.1- CK giao dịch của thành viên lưu ký	008	-	-
6.1.2- CK giao dịch của khách hàng trong nước	009	834,827,053,200	763,372,556,000
6.1.3- CK giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	-	27,364,910,000
6.1.4- CK giao dịch của tổ chức khác	011	-	-
6.2- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch (GD)	012	-	-
6.2.1- CK tạm ngừng giao dịch thành viên lưu ký	013	-	-
6.2.2- CK tạm ngừng GD khách hàng trong nước	014	-	-
6.2.3- CK tạm ngừng GD khách hàng nước ngoài	015	-	-
6.2.4- CK tạm ngừng GD của tổ chức khác	016	-	-
6.3- Chứng khoán cầm cố	017	163,042,960,000	68,446,647,000
6.3.1. CK cầm cố của thành viên lưu ký	018	-	-
6.3.2. CK cầm cố của khách hàng trong nước	019	163,042,960,000	68,446,647,000
6.3.3. CK cầm cố của khách hàng nước ngoài	020	-	-
6.3.4. CK cầm cố của tổ chức khác	021	-	-
6.4- Chứng khoán tạm giữ	022	-	-
6.4.1. CK tạm giữ của thành viên lưu ký	023	-	-
6.4.2. CK tạm giữ của khách hàng trong nước	024	-	-
6.4.3. CK tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025	-	-
6.4.4. CK tạm giữ của tổ chức khác	026	-	-
6.5- Chứng khoán chờ thanh toán	027	15,221,581,000	96,275,603,000
6.5.1. CK chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	-
6.5.2. CK chờ thanh toán khách hàng trong nước	029	15,221,581,000	96,275,603,000
6.5.3. CK chờ thanh toán khách hàng nước ngoài	030	-	-
6.5.4. CK chờ thanh toán của tổ chức khác	031	-	-
6.6- Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	-	-
6.6.1. CK phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033	-	-
6.6.2. CK phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034	-	-
6.6.3. CK phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035	-	-
6.6.4. CK phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	036	-	-
6.7- Chứng khoán chờ giao dịch	037	-	-
6.7.1. CK chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	-
6.7.2. CK chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	-	-
6.7.3. CK chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	-	-
6.7.4. CK chờ giao dịch của tổ chức khác	041	-	-
6.8- Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	-	-
6.8.1. CK ký quỹ đảm bảo khoản vay của TV lưu ký	043	-	-
6.8.2. CK ký quỹ đảm bảo khoản vay của KH trong nước	044	-	-
6.8.3. CK ký quỹ đảm bảo khoản vay của KH nước ngoài	045	-	-
6.8.4. CK ký quỹ đảm bảo khoản vay của tổ chức khác	046	-	-
6.9- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047	-	-

"Các thuyết minh đính kèm là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính"

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

27 Nguyễn Đình Chiểu Q1, TP. HCM

Tel: (84-8) 3 9107080

Fax: (84-8) 3 9107081

Mẫu số B01 - CTCK

Ban hành theo T.Tư 95/2008 /TT-BTC ngày

24/10/2008 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tiền tệ: VND

7. CK lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	-	-
Trong đó:			
7.1- Chứng khoán giao dịch	051	-	-
7.1.1- CK giao dịch của thành viên lưu ký	052	-	-
7.1.2- CK giao dịch của khách hàng trong nước	053	-	-
7.1.3- CK giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	-	-
7.1.4- CK giao dịch của tổ chức khác	055	-	-
7.2- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	-	-
7.2.1- CK tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057	-	-
7.2.2- CK tạm ngừng giao dịch của KH trong nước	058	-	-
7.2.3- CK tạm ngừng giao dịch của KH nước ngoài	059	-	-
7.2.4- CK tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060	-	-
7.3- Chứng khoán cầm cố	061	-	-
7.3.1. CK cầm cố của thành viên lưu ký	062	-	-
7.3.2. CK cầm cố của khách hàng trong nước	063	-	-
7.3.3. CK cầm cố của khách hàng nước ngoài	064	-	-
7.3.4. CK cầm cố của tổ chức khác	065	-	-
7.4- Chứng khoán tạm giữ	066	-	-
7.4.1. CK tạm giữ của thành viên lưu ký	067	-	-
7.4.2. CK tạm giữ của khách hàng trong nước	068	-	-
7.4.3. CK tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069	-	-
7.4.4. CK tạm giữ của tổ chức khác	070	-	-
7.5- Chứng khoán chờ thanh toán	071	-	-
7.5.1. CK chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072	-	-
7.5.2. CK chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	-	-
7.5.3. CK chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074	-	-
7.5.4. CK chờ thanh toán của tổ chức khác	075	-	-
7.6- Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076	-	-
7.6.1. CK phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077	-	-
7.6.2. CK phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078	-	-
7.6.3. CK phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079	-	-
7.6.4. CK phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	080	-	-
7.7- Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	081	-	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	-	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	-	-
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084	-	-

NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG
Kế toán trưởng

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011
TRẦN ĐỨC THUẬN
Tổng Giám đốc

"Các thuyết minh đính kèm là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính"

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

27 Nguyễn Đình Chiểu Q1, TP. HCM

Tel: (84-8) 3 9107080

Fax: (84-8) 3 9107081

Mẫu số B02 - CTCK

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC

ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2010**

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu	01	VI.1	23,635,508,628	15,408,309,189
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		15,296,468,691	12,735,058,997
- Doanh thu đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		-	-
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		1,665,454,546	286,970,618
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		-	-
- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9		6,673,585,391	2,386,279,574
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		23,635,508,628	15,408,309,189
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.3	14,040,439,679	6,016,188,574
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		9,595,068,949	9,392,120,615
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9,307,128,952	7,476,857,942
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		287,939,997	1,915,262,673
8. Thu nhập khác	31		969,557,492	294,913,198
9. Chi phí khác	32		71,014,468	-
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		898,543,024	294,913,198
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1,186,483,021	2,210,175,871
12. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		-	372,438,463
13. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		1,186,483,021	1,837,737,408
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011

NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG
Kế toán trưởngTRẦN ĐỨC THUẬN
Tổng Giám đốc

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

27 Nguyễn Đình Chiểu Q1, TP. HCM

Tel: (84-8) 3 9107080

Fax: (84-8) 3 9107081

Mẫu số B03 – CTCK

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC ngày

24/10/2008 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)****Năm 2010**

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ T M	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động, kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	1,186,483,021	2,210,175,871
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1,488,553,273	996,988,187
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	-
- Chi phí lãi vay	06	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2,675,036,294	3,207,164,058
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(9,697,823,852)	(64,987,658,861)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	257,623,241
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	36,627,643,626	123,337,863,130
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	329,234,239	(595,160,890)
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(544,308,107)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(1,106,999,700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	29,389,782,200	60,112,830,978
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1,036,460,706)	(7,184,424,059)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1,036,460,706)	(7,184,424,059)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

27 Nguyễn Đình Chiểu Q1, TP. HCM

Tel: (84-8) 3 9107080

Fax: (84-8) 3 9107081

Mẫu số B03 – CTCK

Ban hành theo T.Tư số 95/2008/TT-BTC ngày

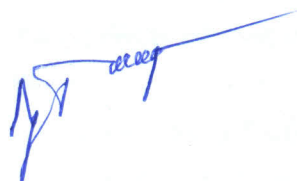
24/10/2008 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)****Năm 2010**

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ T M	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	110,584,000,000	-
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	140,150,000,000	87,930,000,000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(83,080,000,000)	(77,000,000,000)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	167,654,000,000	10,930,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	196,007,321,494	63,858,406,919
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	94,270,441,448	30,412,034,529
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	290,277,762,942	94,270,441,448

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.


NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG
Kế toán trưởng


TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011

TRẦN ĐỨC THUẬN
Tổng Giám đốc

95 -
CÔNG
CỔ PH
ỨNG P
ÔNG N
VIỆT
7 - TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép hoạt động Kinh doanh chứng khoán số: 95/UBCK-GP, do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 12 tháng 08 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh số 225/UBCK-GP ngày 01 tháng 04 năm 2009.

Công ty có trụ sở chính đặt tại 121 Lê Lợi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời công ty có chi nhánh đặt tại 108 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

2. Hoạt động kinh doanh:

a. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán

b. Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán

- Tư vấn đầu tư chứng khoán

- Lưu ký chứng khoán

Vốn điều lệ 135,000,000,000 VND

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam "VND" phù hợp với Luật Kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006, chế độ kế toán Việt Nam theo Quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của công ty chứng khoán và thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1)

- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2)

- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3)

- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4) và

- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5)

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010****2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực, chế độ kế toán.**

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp thuận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI DOANH NGHIỆP****1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người ủy thác đầu tư, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tại thời điểm lập báo cáo, khoản mục tiền gửi của một số nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trong bảng cân đối kế toán của Công ty.

2 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**a. TSCĐ hữu hình:**

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời

gian quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian (năm)
Máy móc thiết bị	2 - 8 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 8 năm

b. TSCĐ vô hình

TSCĐ vô hình bao gồm phần mềm giao dịch Live trade và chi phí thiết kế trang web ISC.

Thời gian khấu hao là 07 - 08 năm.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: được ghi

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: được ghi nhận theo giá gốc.

4 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay (CPĐV) và chi phí khác;

a. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng được tính vào giá trị của tài sản đó. Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

b. Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định CPĐV được vốn hóa trong kỳ:

Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

5 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước chủ yếu là chi phí thành lập doanh nghiệp, đồ dùng thiết bị văn phòng được phân bổ dần vào chi phí kết quả kinh doanh trong kỳ, thời gian phân bổ căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính mà tài sản đó mang lại lợi ích kinh tế.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: theo phương pháp đường thẳng

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận chủ yếu là các khoản doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ phải trả và được ước tính đáng tin cậy.

6 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận là giá trị được ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Phương pháp ghi nhận: khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với dự phòng phải trả phải lập năm trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

7 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: là vốn thực góp của chủ sở hữu

Thặng dư vốn cổ phần: là số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu ở các công ty cổ phần khi phát hành cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ;

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của năm trước;

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010****8 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu****Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Xác định được phần công việc đã hoàn thành.

Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không có bù trừ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	68,718,495,350	71,388,033,344
Tiền gửi ngân hàng	49,504,267,592	22,882,408,104
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	-	-
Các khoản tương đương tiền tại ngày cuối kỳ	172,055,000,000	-
Tổng cộng	290,277,762,942	94,270,441,448

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a. Cửa công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	-	-
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ)	-	-
b. Cửa nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	272,368,670	9,158,815,773,500
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ)	-	-
Tổng cộng	272,368,670	9,158,815,773,500

3. Tình hình đầu tư tài chính

CHỈ TIÊU	Số lượng	Giá trị sổ sách	So với giá thị trường Tăng	Giảm	Tổng giá trị theo giá thị trường
I. Chứng khoán T. mại	-	-	-	-	-

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

II. Chứng khoán đầu tư

- Sẵn sàng để bán	-	-	-	-
- Nắm giữ đến khi đáo hạn	-	-	-	-

III. Đầu tư góp vốn

Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
Góp vốn liên doanh liên kết	-	-	-	-

IV. Đầu tư tài chính khác

Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	-	-	-	-

4. Các khoản phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu khách hàng	31,383,805	125,286,088
Phan Minh Tuấn	-	43,330,003
Phải thu các khách hàng khác	-	81,956,085
Phải thu chi nhánh ISC tại Hà Nội	29,039,917	-
Công ty CP truyền thông mục tiêu	2,343,888	-
b. Trả trước cho nhà cung cấp	1,282,598,335	3,446,570,101
Công ty TNHH Đầu tư Thái Bình	-	1,000,000,000
Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Gỗ Phương Nam	-	500,000,000
Công ty TNHH TM Công nghệ V.V.P	-	900,000,000
Công ty TNHH Viễn thông KDC	-	500,000,000
Cty TNHH MT-TBVP Thành Nam	225,169,000	16,853,000
Cty TNHH SX&ĐT TM Anh Thắng	40,000,000	-
Cty CP đầu tư và tư vấn Trí Việt	759,246,340	74,198,996
Các đối tượng khác	258,182,995	455,518,105
c. Phải thu về hoạt động giao dịch chứng khoán	7,762,468,910	48,476,250,392
Tổng cộng	9,076,451,050	52,048,106,581
5. Các khoản phải thu khác	64,190,322,153	13,224,060,340
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần của phải thu thương mại và phải thu khác	73,266,773,203	65,272,166,921
6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	-	273
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	421,381,554	-
Thuế khác	-	-
Tổng cộng	421,381,554	273

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	694,335,164	6,090,244,428	175,769,000	6,960,348,592
- Mua trong năm	572,207,367	-	-	572,207,367
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1,266,542,531	6,090,244,428	175,769,000	7,532,555,959
Khấu hao lũy kế				
Số dư đầu năm	105,645,839	797,443,992	40,280,395	943,370,226
- Khấu hao trong kỳ	170,690,562	1,169,628,241	43,942,250	1,384,261,053
- Tăng khác	-	1,164,790	-	1,164,790
- Thanh lý	-	-	-	-
- Giảm khác	(1,981,860)	(56,896,806)	-	(58,878,666)
Số dư cuối năm	274,354,541	1,911,340,217	84,222,645	2,269,917,403
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình				
Tại ngày đầu năm	588,689,325	5,292,800,436	135,488,605	6,016,978,366
Tại ngày cuối năm	992,187,990	4,178,904,211	91,546,355	5,262,638,556

7. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu

	Web ISC	Phần mềm giao dịch	Tổng Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	561,038,400	213,786,000	774,824,400
Tăng trong kỳ	-	423,362,145	423,362,145
Tăng khác	-	40,891,194	40,891,194
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	561,038,400	678,039,339	1,239,077,739
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	64,285,650	5,090,143	69,375,793
Tăng trong kỳ	-	138,152,889	138,152,889
Tăng khác	-	23,853,207	23,853,207
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	64,285,650	167,096,239	231,381,889
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu kỳ	496,752,750	208,695,857	705,448,607
Số cuối kỳ	496,752,750	510,943,100	1,007,695,850

8. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước	2,420,490,509	3,443,177,228
Tổng Cộng	2,420,490,509	3,443,177,228

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

9. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	240,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	704,504,698	-
Tiền lãi phân bổ trong năm	44,776,808	14,851,545
Tổng cộng	989,281,506	134,851,545

10. Các khoản vay và nợ ngắn hạn

Vay ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Gemadept	48,000,000,000	-
Công ty CP Hàng Hải Ngân Hà	-	10,930,000,000
Công ty CK Phương Đông	20,000,000,000	-
Tổng cộng	68,000,000,000	10,930,000,000

11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

a. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Gemadept	3,401,472,631	7,459,407,631
NH BIDV - chi nhánh Quang Trung	290,442,069	290,442,069
Chi nhánh ISC tại Hà Nội	372,513,454	117,494,973
Công ty TNHH cảng Phước Long	495,000,000	-
Công ty phần mềm Nam Việt	156,000,000	-
Công ty TNHH TM Toàn Minh	-	65,483,025
Phải trả các đối tượng khác	59,438,309	329,201,416
Tổng cộng	4,774,866,463	8,262,029,114

b. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Đô Thành	-	30,000,000
Công ty CP tập đoàn Đầu tư Quốc tế GIICO	-	70,000,000
Công ty CP Vận tải Dầu khí Việt Nam (Falcon)	50,000,000	50,000,000
Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	-	20,000,000
Công ty CP du lịch xanh Nghệ An	20,000,000	-
Công ty vật tư y tế Nghệ An	20,000,000	-
Công ty CP VINAPCO	71,978,000	-
Tổng cộng	161,978,000	170,000,000

12. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	372,438,463
Thuế thu nhập cá nhân	514,278,311	231,759,249
Tổng cộng	514,278,311	604,197,712

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

13. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo trì hệ thống điện thoại KDC phụ trách	-	180,000,000
Chi phí phải trả khác	68,833,333	58,000,000
Tổng cộng	68,833,333	238,000,000

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	24,877,483	
Bảo hiểm xã hội	9,940,015	304,910,000
Bảo hiểm y tế	64,773,813	45,736,500
Công ty CP Gemadept (cơm trưa, ủng hộ lũ lụt)	6,599,039	62,031,539
Công ty CP Điện Lực Khánh Hòa	550,000,000	550,000,000
Công ty CP Someco Sông Đà	6,750,000	6,750,000
Tổng công ty CP Vận tải Dầu Khí	-	5,280,000
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	660,000	660,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị & KCN Sông Đà	184,300,000	184,300,000
Các đối tượng khác	152,937,161,966	113,800,388,618
Tổng cộng	153,785,062,316	114,960,056,657

15. Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	35,000,000,000	(1,631,149,952)
Tăng vốn trong năm trước	-	-
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	1,837,737,408
Lợi nhuận giảm trong năm trước	-	-
Số dư cuối năm trước	35,000,000,000	206,587,456
Số dư đầu năm nay	35,000,000,000	206,587,456
Điều chỉnh tăng vốn góp	100,000,000,000	-
Lợi nhuận tăng trong giai đoạn 01/01/2010 đến 31/12/2010	-	1,186,483,021
Lợi nhuận giảm trong giai đoạn 01/01/2010 đến 31/12/2010	-	-
Số dư cuối kỳ tại thời điểm 31/12/2010	135,000,000,000	1,393,070,477

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2010****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	23,635,508,628	15,408,309,189
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	15,296,468,691	12,735,058,997
Cổ tức, lợi nhuận, lãi trái phiếu đầu tư chứng khoán	-	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	1,665,454,546	286,970,618
Doanh thu khác	6,673,585,391	2,386,279,574

2. Các khoản giảm trừ doanh thu:

Doanh thu thuần	23,635,508,628	15,408,309,189
------------------------	-----------------------	-----------------------

3. Chi phí hoạt động kinh doanh

	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động kinh doanh	14,040,439,679	6,016,188,574
Tổng cộng	14,040,439,679	6,016,188,574

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	2.57%	6.02%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	97.43%	93.98%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	60.91%	79.43%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	39.09%	20.57%
2. Khả năng thanh toán		
2.1 Hệ số thanh toán tổng quát (lần)	1.64	1.26
2.2 Hệ số thanh toán hiện thời (lần)	1.60	1.18
2.3 Hệ số khả năng thanh toán nhanh (lần)	1.60	1.18
2.4 Hệ số khả năng thanh toán tức thời (bằng tiền) (lần)	1.27	0.69

NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG

Kế toán trưởng

**TRẦN ĐỨC THUẬN**

Tổng giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011

"Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính"

V. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban điều hành

Căn cứ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các Văn bản dưới luật liên quan, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát... Ban kiểm soát chúng tôi xin báo cáo tình hình và kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2010 vừa qua với những nội dung chính như sau:

Thẩm định Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam (ISC) và đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Kể từ lúc thành lập và đi vào hoạt động của Công ty đến nay, chỉ với thời gian hơn hai năm nhưng ISC phải đối diện với nhiều khó khăn từ sự bất ổn của kinh tế vĩ mô, sự sụt giảm của TTCK, những yếu tố này đã tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của toàn ngành. Trong năm 2010, Hội đồng quản trị ISC đã kịp thời đánh giá, chỉ đạo sát sao, kịp thời trong công tác quản lý điều hành Công ty và đã đạt được những kết quả nhất định.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Hiện tại Ban kiểm soát có hai thành viên được bầu tại thời điểm thành lập Công ty.

Sau các đợt kiểm tra, BKS đã báo cáo kết quả kiểm tra cho HĐQT. Qua kết quả kiểm tra BKS thấy về cơ bản Công ty đã chấp hành đúng chế độ chứng từ theo qui định về chế độ kế toán và tuân thủ quy trình nghiệp vụ của Công ty. Một số trường hợp thiếu sót đã được BKS nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời để Công ty thực tốt hơn.

3. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010

1. Tình hình kinh doanh

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán ISC tại thời điểm 31/12/2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Kết quả kinh doanh (theo số liệu đã kiểm toán)

Doanh thu thuần	23.635.508.628 đồng
Chi phí hoạt động kinh doanh	14.040.439.679 đồng
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.307.128.952 đồng
Lợi nhuận trước thuế	1.186.483.021 đồng
Lợi nhuận sau thuế	1.186.483.021 đồng

Tài sản Công ty (theo số liệu đã kiểm toán)

Tài sản ngắn hạn	366.359.753.688 đồng
Tài sản dài hạn	9.680.106.421 đồng
Tổng tài sản	376.039.860.109 đồng

Quá trình tăng vốn điều lệ trong năm 2010

Số dư đầu năm	35.000.000.000 đồng
Phát sinh trong kỳ	100.000.000.000 đồng
Số dư cuối năm	135.000.000.000 đồng

Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán**a. Kiểm toán độc lập** (*Xem BCTC đã kiểm toán năm 2010*)

Các nhận xét đặc biệt: không có

b. Kiểm toán nội bộ**Ý kiến kiểm toán nội bộ:**

Xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính năm 2010 đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của công ty tại 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

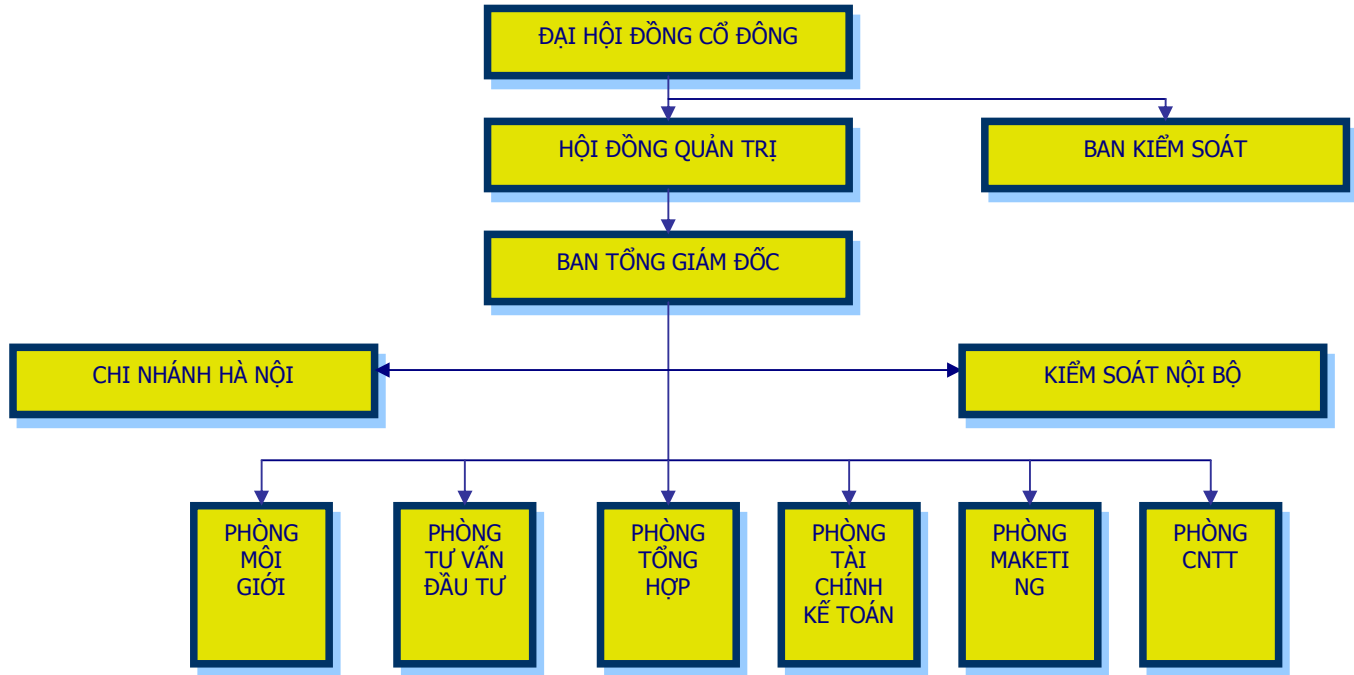
Các nhận xét đặc biệt: không

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Không có

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của công ty



2. Giới thiệu các thành viên trong Ban điều hành

a. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Ông: Trần Đức Thuận	1978	025004860	Chủ tịch HĐQT
2	Ông: Lê Quang Sự	1972	011774441	Ủy viên HĐQT
3	Bà: Nguyễn Thụy Như ý		021839293	Ủy viên HĐQT

b. THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Ông: Trần Đức Thuận	1978	025004860	Tổng Giám đốc
2	Ông: Phan Văn Tuấn	1978	013117941	Phó Tổng Giám đốc

c. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
-----	-----------	----------	---------	---------

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Ông: Lê Phương Đại	1985	261033272	Trưởng ban
2	Ông: Phan Ngọc Huân	1971	250302935	Thành viên

3. Thông tin về cổ đông tại thời điểm 31/12/2010

Stt	Danh mục	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Cơ cấu cổ đông	
				cổ đông Tổ chức	cổ đông cá nhân
A	Vốn cổ phần:	13.500.000	100%	4	10
1	Cổ đông sở hữu >= 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	7.992.000	59,20%	4	1
2	Cổ đông sở hữu từ 1%-5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	5,508,000	40.80%	0	9
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	0	0	0	0
4	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0
B	Trong đó:				
1	Vốn nhà nước	0	0	0	0
2	Vốn nước ngoài	0	0	0	0

4. Cổ đông lớn nắm giữ từ 5% trở lên của Công ty

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ % /VĐL
1	Công ty CP Đại lý Liên Hiệp Vận Chuyển	1.323.000	9,80%
2	Công ty Cổ phần Hàng Hải Ngân Hà	1.323.000	9,80%
3	Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	1.323.000	9,80%
4	Công ty TNHH DV VT Tổng Hợp VNM	1.323.000	9,80%
5	Lê Quang Sự	2.700.000	20,0%

Stt	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ % /VĐL
Tổng cộng		7.992.000	59,20%

- 5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Thành viên HĐQT, BKS và Ban TGD trong năm:** Không thay đổi

VIII. CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

1. Số lượng cán bộ, nhân viên Công ty

Thống kê số lượng CBCNV đến ngày 31/12/2010 Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam là 48 người.

1. Trình độ đại học, trên đại học	36	người
2. Trình độ cao đẳng	7	người
3. Trình độ trung cấp	1	người
5. Phổ thông	4	người

2. Chính sách lao động

Công ty thực hiện các chính sách lao động đúng theo qui định của Bộ Luật Lao động và được xây dựng công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty, không ngừng nâng cao chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc.

3. Chế độ thu hút và đào tạo nhân sự

Quy trình tuyển dụng và đào tạo của ISC được xây dựng một cách khoa học và linh hoạt. ISC thực hiện việc tuyển dụng qua các kênh thông báo tuyển dụng trên phương tiện thông tin đại chúng, website, đồng thời còn hợp tác chặt chẽ với các tổ chức giáo dục đào tạo trong và ngoài nước, các trường đại học có uy tín và một số tổ chức cung ứng nhân sự chuyên nghiệp.

4. Về chính sách đào tạo

Vấn đề đào tạo cho nhân viên thực sự được ISC coi trọng. Ngoài việc tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá đào tạo nâng cao nghiệp vụ, ISC còn chú trọng đến đào tạo kỹ năng nâng cao đảm bảo cho nhân viên hoàn thành mục tiêu như kỹ năng giao tiếp và chăm sóc khách hàng, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phân tích và nhận định thị trường.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(đã ký)
TRẦN ĐỨC THUẬN